

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	10,900 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	0.9%	-0.9%

	2024	
DT thuần	72.6	YoY ▼ 7.10 ▼ 8.9%
	tỷ VNĐ	

	2024	
LN gộp	28.7	YoY ▲ 0.30 ▲ 1.1%
	tỷ VNĐ	

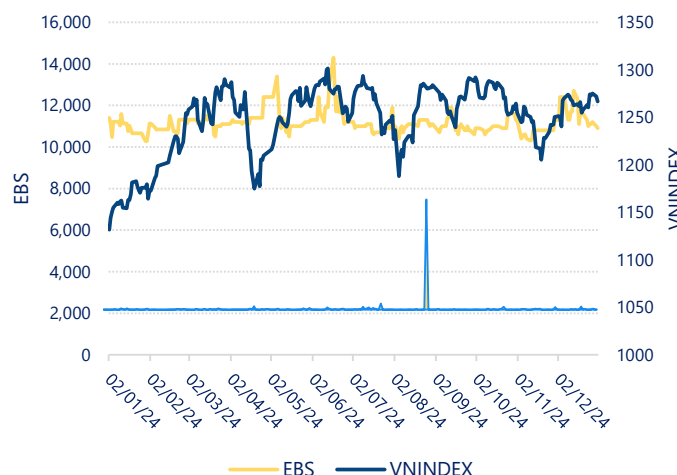
	2024	
LN thuần	20.2	YoY ▲ 5.40 ▲ 36.1%
	tỷ VNĐ	

	2024	
LN sau thuế	18.8	YoY ▲ 5.70 ▲ 43.5%
	tỷ VNĐ	

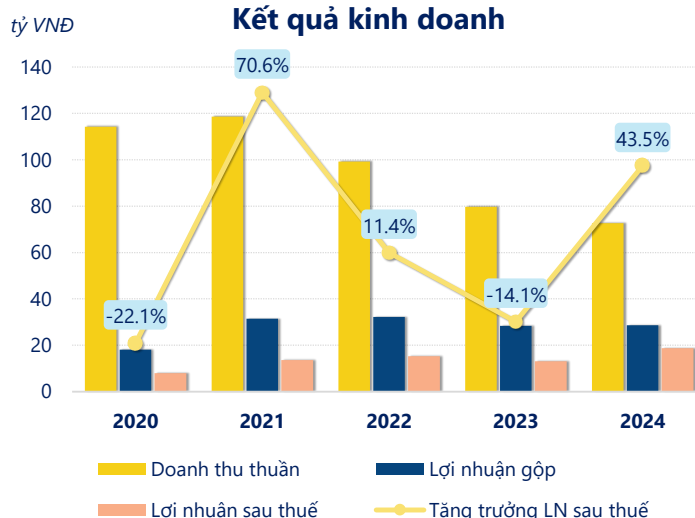
	2024	
ROE	10.1%	+/- YoY ▲ 3.5%

	2024	
ROA	8.5%	+/- YoY ▲ 3.3%

Lịch sử giá

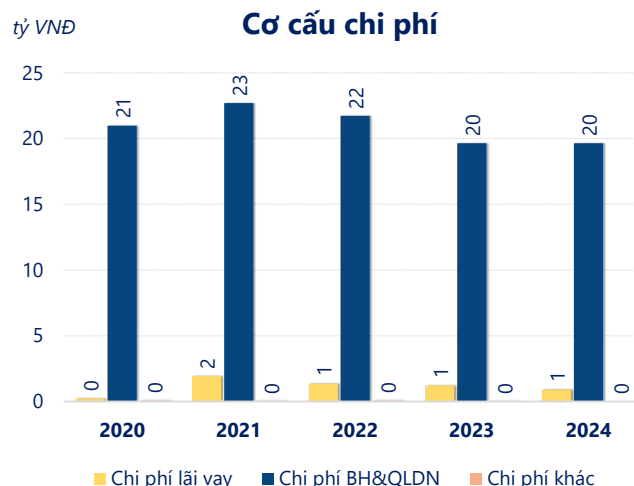
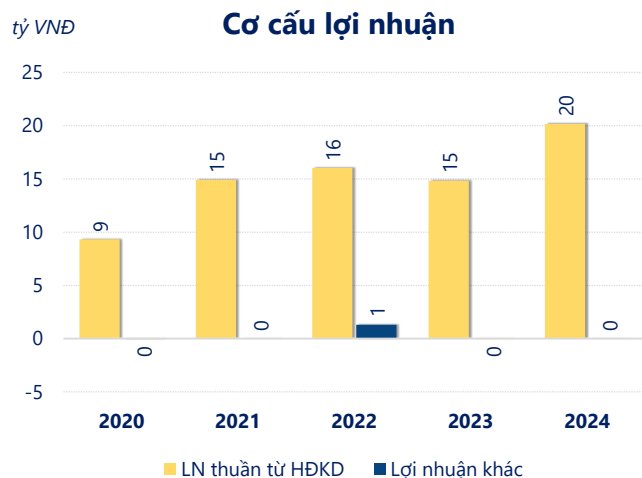


Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **EBS** ghi nhận doanh thu thuần **72.62** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **18.78** tỷ đồng, lần lượt **giảm 8.87%** và **tăng 43.5%** so với năm trước.

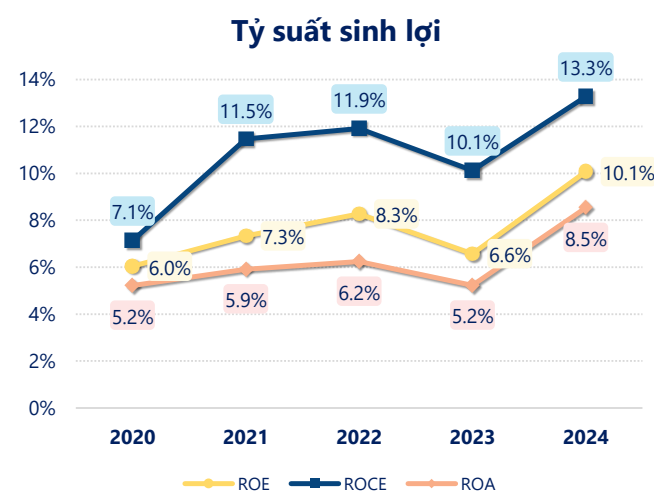
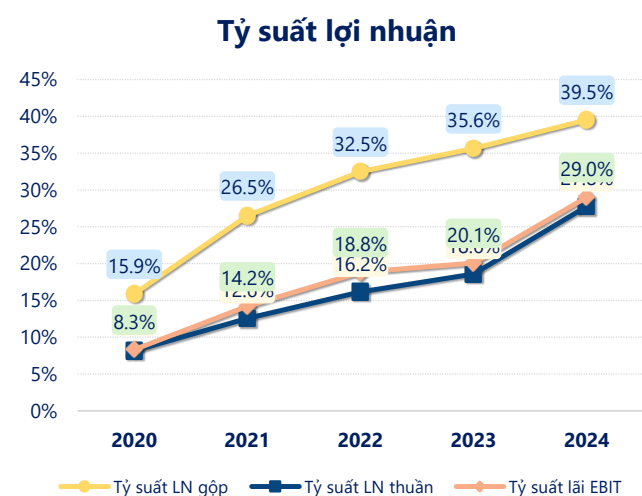
Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **10.1%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.



Năm **2024**, EBS có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **20.17** tỷ đồng, **tăng lên 5.35** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (15.05 tỷ đồng) là 5.12 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.90** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **19.65** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 0.00** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của EBS năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **10.1%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



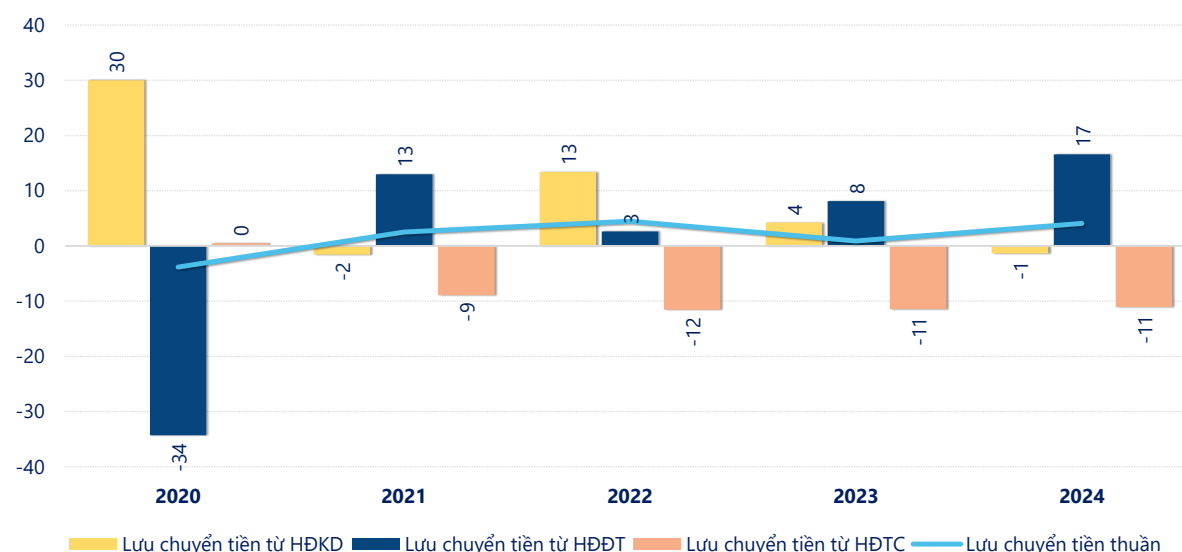
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	114	119	99.2	79.7	72.6
Giá vốn hàng bán	96.1	87.1	67.0	51.3	43.9
Lợi nhuận gộp	18.1	31.4	32.2	28.4	28.7
Doanh thu HĐTC	12.5	8.83	7.72	7.85	10.3
Chi phí TC	0.19	3.02	2.73	1.30	0.88
Chi phí lãi vay	0.21	1.94	1.36	1.21	0.90
LN trong công ty LKLD	-0.10	0.34	0.55	-0.48	1.69
Chi phí bán hàng	13.1	13.7	15.1	13.0	13.5
Chi phí QLDN	7.86	9.01	6.60	6.61	6.12
LN thuần từ HĐKD	9.33	14.9	16.0	14.8	20.2
Lợi nhuận khác	-0.04	0.00	1.30	-0.01	0.00
LN trước thuế	9.29	14.9	17.3	14.8	20.2
Lợi nhuận sau thuế	8.01	13.7	15.2	13.1	18.8
LNST của CĐ cty mẹ	8.05	10.3	12.1	9.88	15.5

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của EBS bằng **4.10** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (0.89 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-1.39** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **16.58** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-11.10** tỷ đồng.